

**TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

---



## **TÀI LIỆU**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2018**

**HÀ NỘI, THÁNG 06 NĂM 2019**

## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG
1	Chương trình nghị sự
2	Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động năm 2018 và dự kiến kế hoạch năm 2019, định hướng KHSXKD năm 2019-2023
3	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018, tổng kết nhiệm kỳ 2014-2019 và phương hướng nhiệm kỳ năm 2019-2024
4	Báo cáo Ban kiểm soát năm 2018
5	Báo cáo tài chính riêng năm 2018
6	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018
7	Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019
8	Tờ trình về việc thông qua lộ trình thành lập Công ty TNHH MTV do Công ty TST làm chủ sở hữu và thực hiện việc tái cấu trúc Công ty

**TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIÊN THÔNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIÊN THÔNG**

-----o0o-----

**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2018**

Ngày 12 tháng 06 năm 2019

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN	THỰC HIỆN
1	Đón tiếp đại biểu. Các cổ đông làm thủ tục đăng ký	7h30 – 8h20	Ban tổ chức
2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu	8h20 – 8h30	Ban kiểm tra
3	Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch	8h30 – 8h40	Ông Khôi
4	Đoàn chủ tịch bắt đầu điều hành. Giới thiệu và thông qua chương trình Đại hội, danh sách Tổ thư ký Đại hội	8h40 – 8h50	Đoàn chủ tịch
5	Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty, định hướng KHSXKD năm 2019-2023	8h50 – 9h00	Ông Kiên
6	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018, tổng kết nhiệm kỳ 2014-2019 và phương hướng nhiệm kỳ 2019-2024	09h00-09h10	Ông Khôi
7	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018	9h10 – 09h20	Ông Quang
8	Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2019	09h20-09h22	Ông Kiên
9	Trình Đại hội cổ đông về việc thông qua lộ trình thành lập Công ty TNHH MTV do Công ty TST làm chủ sở hữu và thực hiện việc tái cấu trúc Công ty	09h22-09h27	Ông Kiên
10	Trình Đại hội cổ đông thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động (Sửa đổi lần 2), Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Sửa đổi lần 1)	09h27-09h30	Ông Khôi
11	Các đại biểu thảo luận, biểu quyết	09h30-09h55	
12	Giới thiệu và thông qua danh sách đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2019-2024. Giới thiệu và thông qua danh sách Ban kiểm phiếu	09h55-10h10	Đoàn chủ tịch
13	Thông qua quy chế bầu cử HĐQT/BKS nhiệm kỳ 2019-2024. Phổ biến thể lệ bầu cử và thực hiện bầu cử	10h10– 10h55	Ban kiểm phiếu
14	Nghỉ giải lao. Ban kiểm phiếu làm việc	10h55 – 11h15	
15	Công bố kết quả bầu cử và ra mắt Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024.	11h15-11h25	Ban kiểm phiếu
16	Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội	11h25 – 11h40	Tổ Thư ký
17	Bế mạc	11h40	



Hà nội, ngày 10 tháng 05 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**  
**VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 2019, ĐỊNH HƯỚNG KHSXKD NĂM 2019-2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch Vụ Kỹ Thuật Viễn Thông.

Thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2017. Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST) xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2018 và dự kiến kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

**I- BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

**1. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018:**

*Đơn vị: 1000 đồng.*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ
Tổng Doanh thu	143.665.454	125.041.673	87,04%
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.045.000	2.625.251	64,90%
Lợi nhuận sau thuế của TST	1.795.273	1.589.759	88,55%
Nộp NSNN	8.000.000	6.190.896	77,38%
Số lượng lao động	152	138	90,79%

Năm 2018 hoạt động kinh doanh của Công ty TST và Công ty CP Công nghệ HTSV Việt Nam không đạt mức chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đề ra. Nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Tổng lợi nhuận sau thuế giảm sút do Lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Công nghệ HTSV Việt Nam 78.265.259đ/KH 750.000.000đ tỷ lệ TH/KH 10,44%; Lợi nhuận từ công ty Vina-OFC 957.227.138đ/KH 1.500.000.000đ tỷ lệ TH/KH 63,82%.

- Thị trường viễn thông đang tiếp tục trạng thái bão hòa, các nhà mạng cắt giảm chi phí, đầu tư nên công việc giảm, sự cạnh tranh quyết liệt làm đơn giá các dịch vụ viễn thông giảm mạnh và nhiều mức giá cạnh tranh (Có những đơn vị tham gia dự thầu với giá bằng 46% giá dự toán).

- Chi phí đầu vào tăng, doanh thu giảm nên ảnh hưởng rất nhiều đến lợi nhuận của Công ty.

- Tình trạng chậm thanh toán các công trình dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn sản xuất kinh doanh.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Ban lãnh đạo Công ty và tập thể CB CNV đã nỗ lực cố gắng, đưa ra nhiều biện pháp linh hoạt, phù hợp, kịp thời để thực hiện những mục tiêu đã đề ra.

**2. Kết quả đầu tư năm 2018**

Trong năm 2018, Công ty đã tiến hành đầu tư đáp ứng yêu cầu về máy móc, công cụ, dụng cụ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh như sau:



Đơn vị: 1000 đồng

STT	Tên thiết bị	Kế hoạch 2018 ĐHĐCĐ phê duyệt	Thực hiện 2018	Ghi chú
1	Thiết bị đo	1.500.300	148.200	
2	Thiết bị văn phòng	118.000	19.899	
	<b>Cộng</b>	<b>1.618.300</b>	<b>168.099</b>	

### 3. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018:

Nghị quyết ĐHCĐ số 12/NQ-ĐHCĐ ngày 29/05/2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền là: 1.877.087.000 đồng. Nhưng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2017 chỉ còn là 1.387.199.053 đồng (do trong năm 2017 đã chi thù lao HĐQT, BKS năm 2016) nên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018: 1.100.158.645 đồng.

Ban Tổng Giám đốc điều hành kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 như sau:

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	THỰC HIỆN
<b>Lợi nhuận sau thuế công ty TST</b>	<b>1.100.158</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (dự tính)	200.158
Chi trả cổ tức (dự tính 1,7%)	820.547
Chi trả thù lao HĐQT và BKS (dự tính)	79.453
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>0</b>

## II- KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

Năm 2019 tiếp tục tạo ra nhiều thách thức cho Công ty trong mục tiêu giữ vững thị phần, đảm bảo mục tiêu doanh thu và phát triển bền vững khi thị trường viễn thông tiếp tục trong trạng thái bão hòa, việc cạnh tranh giữa các công ty viễn thông ngày càng khốc liệt.

### 1. Phương hướng, nhiệm vụ chính:

Công ty TST sẽ triển khai thực hiện một số định hướng chính như sau:

- Duy trì tinh thần đoàn kết, gắn bó, các phòng ban và đơn vị tăng cường phối hợp, hỗ trợ nhau trong công việc, phát huy tính năng động, sáng tạo của toàn thể CBCNV thông qua cơ chế trách nhiệm và quyền lợi.

- Chú trọng đào tạo lực lượng lao động hiện có để tăng cường khả năng chuyên môn của đội ngũ kỹ sư, công nhân, để tiến tới làm chủ được lĩnh vực hoạt động của công ty.

- Thực hiện chế độ khen thưởng, động viên kịp thời với người lao động đem lại hiệu quả cao cho Công ty. Thực hiện chi thưởng, phúc lợi đầy đủ, công bằng cho CB CNV Công ty trong các ngày Lễ, Tết.

- Thực hiện đầy đủ chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ bảo hiểm khác liên quan đến người lao động trong quá trình hoạt động SXKD.

- Xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp sản phẩm vật tư, phụ kiện phục vụ mạng lưới viễn thông.

- Định hướng phát triển thêm dịch vụ ngoài như: Dịch vụ đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa gồm: thử nghiệm, giám định, kiểm định và chứng nhận; Phát triển mô hình nông nghiệp thông minh (hợp tác với VNPT Tech); đo kiểm/thử nghiệm pin.

- Bảo toàn vốn, nâng cao hiệu quả thu hồi công nợ của khách hàng, tránh tình trạng nợ đọng vốn sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo công tác hạch toán, kế toán chính xác, đầy đủ, phù hợp với qui định của luật pháp hiện hành và cung cấp thông tin kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc, để có những quyết sách kịp thời.

- Giảm thiểu việc sử dụng nguồn vốn tín dụng của ngân hàng.

## 2. Các biện pháp để triển khai :

Muốn thực hiện được định hướng trên và đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, Ban tổng giám đốc cần phải thực hiện các giải pháp sau:

- Thường xuyên đào tạo và sàng lọc lại cán bộ quản lý của Công ty theo hướng tinh gọn và hiệu quả, phù hợp yêu cầu hoạt động của Công ty.
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty nhất là về sản phẩm dịch vụ mới.
- Bám sát kế hoạch Chủ đầu tư để đưa ra những quyết sách kịp thời.
- Làm tốt công tác nghiên cứu thị trường để đề ra các biện pháp đúng đắn phát triển thị trường các dịch vụ mới.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị. Đảm bảo cung cấp vốn kịp thời và có các giải pháp cần thiết để hỗ trợ các đơn vị.
- Có kế hoạch cụ thể trong việc thu hồi công nợ khách hàng.
- Quản lý có hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực tài chính và các khoản chi phí trong hoạt động SXKD.

## 3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Qua việc đánh giá tình hình thực hiện SXKD năm 2018 và định hướng sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu chính như sau:

Đơn vị: 1000 đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Tỷ lệ
Doanh thu của Công ty TST	113.058.084	152.765.454	135,12%
Lợi nhuận sau thuế của TST	1.589.759	3.126.000	196,63%
Tổng Doanh thu	125.041.673	172.765.454	138,16%
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.625.251	3.126.000	119,07%
Nộp NSNN	6.190.896	5.000.000	80,763%
Số lượng lao động	138	212	153,62%

Tập đoàn sẽ điều chỉnh kế hoạch năm 2019 cho Người đại diện sau khi Người đại diện xây dựng lại kế hoạch SXKD năm 2019 theo định hướng, hướng dẫn kế hoạch SXKD của Tập đoàn (Tập đoàn sẽ có văn bản hướng dẫn nguyên tắc xây dựng kế hoạch SXKD trên cơ sở chiến lược VNPT 4.0, kế hoạch đầu tư, mua sắm phát triển mạng lưới của Tập đoàn trong năm 2019 tới Người đại diện)

## 4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	THỰC HIỆN
Lợi nhuận sau thuế công ty TST	3.126.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	569.700
Chi trả cổ tức (dự tính 5%)	2.400.000
Chi trả thù lao HĐQT và BKS (dự tính 5%)	156.300
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>0</b>

\* Thù lao HĐQT và BKS năm 2019:

Phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2019 căn cứ theo kết quả thực hiện LNST/VCSH của Công ty mẹ TST:

(1) Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2019 thì thù lao HĐQT và BKS bằng 5% LNST Công ty mẹ TST;

(2) Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02% thù lao theo



mức hoàn thành kế hoạch; Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT và BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2018 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách);

(3) Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% so với mức thù lao hoàn thành kế hoạch;

(4) Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

### 5. Kế hoạch đầu tư 2019

Dự kiến kế hoạch đầu tư trang thiết bị năm 2019 như sau:

Đơn vị: 1000 đồng.

TT	Thiết bị	Kế hoạch 2019	Ghi chú
1	Thiết bị đo	3.960.800	
2	Thiết bị văn phòng	496.500	
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>4.457.300</b>	

### III. DỰ KIẾN KHSXKD GIAI ĐOẠN 2019-2023:

\* Kế hoạch SXKD giai đoạn 2019-2023 với các chỉ tiêu như sau: Tốc độ tăng trưởng doanh thu hợp nhất và Công ty mẹ TST tăng trưởng tối thiểu 10%; Tốc độ tăng trưởng LNST hợp nhất và Công ty mẹ TST tăng trưởng tối thiểu 15%; Tỷ suất LNST/VCSH hợp nhất và Công ty mẹ TST tối thiểu 6,5%.

#### \* Mục tiêu:

- Bảo toàn vốn và tăng lợi nhuận, hàng năm chi trả cổ tức cho các cổ đông của công ty;  
- Nâng cao đời sống người lao động;  
- Tái cấu trúc Công ty theo mô hình doanh nghiệp đáp ứng các Nghị định của Chính phủ phù hợp với tình hình thị trường, môi trường kinh doanh nhằm tăng sức cạnh tranh trong môi trường tự do cạnh tranh như hiện nay. Trong quá trình tái cấu trúc sẽ điều chỉnh tổ chức bộ máy tinh gọn đầu mối và tinh giản biên chế.

- Bên cạnh việc duy trì những dịch vụ truyền thống, Công ty nghiên cứu thị trường, định hướng phát triển thêm dịch vụ ngoài như: Dịch vụ đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa gồm: thử nghiệm, giám định, kiểm định và chứng nhận; Phát triển mô hình nông nghiệp thông minh (hợp tác với VNPT Tech); đo kiểm/thử nghiệm pin. Mở ra những cơ hội mới, thách thức mới, tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực cạnh tranh đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu của khách hàng về các dịch vụ do Công ty cung cấp, hoàn thành tốt KHSXKD và phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Trên đây là báo cáo toàn bộ tình hình SXKD năm 2018; mục tiêu, phương hướng HDSXKD năm 2019 và định hướng của Công ty giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2023. Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty TST đồng lòng và quyết tâm thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra trong năm 2019. Chúng tôi tin tưởng và hy vọng sẽ nhận được nhiều sự quan tâm, giúp đỡ, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn!





Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2019

## **BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018, TỔNG KẾT NHIỆM KỶ 2014-2019 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỶ 2019-2024**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST) trân trọng báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2014-2019 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2019-2024 như sau:

### **A. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2018:**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã triển khai các cuộc họp và ban hành các nghị quyết, quyết định bám sát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban lãnh đạo Công ty, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động. Cụ thể:

#### **1. Công tác quản trị:**

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã thống nhất giám sát, chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty xây dựng các phương án, giải pháp phát triển kinh doanh, tiếp tục giữ vững và phát triển thị trường truyền thống, bên cạnh đó nghiên cứu thị trường, nâng cao năng lực kỹ thuật khẩn trương thực hiện phát triển thêm dịch vụ mới, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, tăng cường tìm kiếm dịch vụ thị trường mới.

- Hội đồng quản trị đã triệu tập các phiên họp, ban hành các nghị quyết, quyết định và một số văn bản xin ý kiến các thành viên HĐQT để kịp thời đề ra các chủ trương giải pháp, chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc xây dựng chiến lược phát triển và thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế, cụ thể:

#### **Các phiên họp:**

##### **- Phiên họp ngày 08/01/2018:**

V/v: Thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Ba Đình.

##### **- Phiên họp ngày 23/03/2018:**

V/v: Cử người đại diện vốn của Công ty TST tại Công ty Vina-OFC.

##### **- Phiên họp ngày 06/04/2018:**

V/v: Báo cáo KQSXKD năm 2017, KHSXKD năm 2018, lựa chọn đơn vị kiểm toán, kế hoạch tổ chức ĐHCĐ năm tài chính 2017.

##### **- Phiên họp ngày 16/04/2018:**

V/v: Thực hiện vay vốn, phát hành LC bảo lãnh, XNCCTD tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình.

**- Phiên họp ngày 17/04/2018:**

V/v: + Xin ý kiến biểu quyết các nội dung tại ĐHĐCĐ năm tài chính 2017 của Công ty TST.

+ Công ty COMAS đại diện liên danh COMAS-TST thực hiện: phát hành BLTHHĐ, BL tiền TỬ, nhận tiền TT về tài khoản của Công ty COMAS, ủy quyền TGD Công ty COMAS ký HSNT thanh toán HĐ: TECH/TCT-580-18-MOBIFONE/HWSZ-HWVN-COMAS-TST ngày 17/04/2018.

**- Phiên họp ngày 19/04/2018:**

V/v: + Thực hiện vay vốn, phát hành LC bảo lãnh, XNCCTD tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình

+ Công ty COMAS đại diện liên danh COMAS-TST thực hiện: phát hành BLTHHĐ, BL tiền TỬ, nhận tiền TT về tài khoản của Công ty COMAS, ủy quyền TGD Công ty COMAS ký HSNT thanh toán HĐ: TECH/TCT-581-18-MOBIFONE/HW-COMAS-TST ngày 19/04/2018.

**- Phiên họp ngày 25/08/2018:**

V/v: Nhu cầu sử dụng tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

**- Phiên họp ngày 14/09/2018:**

V/v: Thành lập phòng Chứng nhận và Giám định.

**- Phiên họp 24/10/2018:**

V/v: Thực hiện vay vốn, phát hành LC bảo lãnh, XNCCTD tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình.

**- Phiên họp ngày 30/11/2018:**

V/v: Nhu cầu sử dụng tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

**- Phiên họp 07/12/2018:**

V/v: Thành lập Công ty TNHH MTV do Công ty TST làm chủ sở hữu.

**- Phiên họp ngày 21/12/2018:**

V/v: Công ty COMAS đại diện liên danh COMAS-TST thực hiện: phát hành BLTHHĐ, BL tiền TỬ, nhận tiền TT về tài khoản của Công ty COMAS, ủy quyền TGD Công ty COMAS ký HSNT thanh toán HĐ: TECH/TCT-608-18-MOBIFONE/HWSZ-HWVN-COMAS-TST ngày 07/12/2018.

Các văn bản xin ý kiến HĐQT:

**- Văn bản ngày 16/04/2018:**

V/v: Báo cáo Ban kiểm soát năm 2017.

**- Văn bản ngày 27/04/2018:**

V/v: Lấy ý kiến biểu quyết bổ nhiệm Giám đốc Xí nghiệp Xây lắp số 1.

**- Văn bản ngày 04/09/2019:**

V/v: Lấy ý kiến biểu quyết bổ nhiệm lại Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP Đà Nẵng.

**2. Kết quả giám sát hoạt động Ban Tổng giám đốc điều hành:**

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty TST với vai trò trách nhiệm là đại diện cho Đại hội đồng cổ đông trong công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty, đã tập trung giám sát, chỉ đạo thực hiện các giải pháp được đặt ra, nhằm bảo đảm lợi ích của Cổ đông, duy trì và phát triển



hoạt động SXKD, hướng tới mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

*Đơn vị: 1000 đồng.*

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ
Tổng Doanh thu	143.665.454	125.041.673	87,04%
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.045.000	2.625.251	64,90%
Lợi nhuận sau thuế của TST	1.795.273	1.589.759	88,55%
Nộp NSNN	8.000.000	6.190.896	77,38%
Số lượng lao động	152	138	90,79%

Từ kết quả đạt được nêu trên Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân chia lợi nhuận sau thuế năm 2018 như sau:

Nghị quyết ĐHĐCĐ số 12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/05/2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền là: 1.877.087.000 đồng. Nhưng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2017 chỉ còn là 1.387.199.053 đồng (do trong năm 2017 đã chi thù lao HĐQT, BKS năm 2016) nên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018: 1.100.158.645 đồng.

*Đơn vị: 1000 đồng*

NỘI DUNG	THỰC HIỆN
<b>Lợi nhuận sau thuế năm 2018</b>	<b>1.100.158</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (dự tính)	200.158
Chi trả cổ tức (dự tính 1,7%)	820.547
Chi trả thù lao HĐQT và BKS (dự tính)	79.453
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>0</b>

## **B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2014-2019:**

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, trong suốt nhiệm kỳ của mình HĐQT đã luôn tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật trong việc quản lý điều hành. HĐQT Công ty luôn duy trì chế độ họp định kỳ, đột xuất và thông qua các kỳ họp HĐQT đã thực hiện quyền quản lý điều hành của mình trên cơ sở xem xét thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch, định hướng hàng năm liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty. HĐQT cũng thường xuyên giám sát, nắm bắt tình hình và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình quản trị điều hành nên đã có những quyết sách, giải pháp kịp thời.

Với 5 năm hoạt động của nhiệm kỳ, HĐQT công ty thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo bộ máy hoạt động theo đúng mục tiêu đề ra; hoàn chỉnh kịp thời cơ cấu tổ chức của HĐQT, Ban TGD, các Phòng ban chức năng và Đơn vị, hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi hệ thống quản trị, quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với thực tế yêu cầu.

### **\* Thuận lợi và khó khăn chủ yếu tác động đến quá trình thực hiện nhiệm vụ:**

- Được Tập đoàn BCVT chỉ đạo chặt chẽ, luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành nhiệm vụ.



- HĐQT và Ban Lãnh đạo Công ty đã có những điều chỉnh hợp lý, kịp thời về chính sách nhân sự, chiến lược phát triển SXKD của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV đoàn kết, gắn bó vì mục tiêu phát triển ổn định và lâu dài của Công ty.
- Sự tin tưởng và hỗ trợ tích cực từ các Cổ đông Công ty.
- Thị trường thuộc lĩnh vực, ngành nghề truyền thống của Công ty đang bị chia nhỏ thị phần do sự cạnh tranh gay gắt của nhiều công ty có cùng lĩnh vực ngành nghề, nhiều đối thủ cạnh tranh xúc tiến giảm giá để nhằm xâm nhập và chiếm lấy thị trường.
- Chính sách cắt giảm chi phí từ các nhà mạng làm ảnh hưởng tới doanh thu hoạt động SXKD của Công ty.
- Mức độ cạnh tranh về giá rất gay gắt, có những đơn vị tham gia thầu với giá dự thầu giảm tới 46% giá dự toán.
- Công ty còn thiếu những cán bộ kỹ thuật có trình độ cao có thể tiếp cận được những dịch vụ mới và thực hiện những dự án quy mô lớn. Lực lượng lao động hiện có kinh nghiệm còn thiếu, năng suất lao động chưa cao trong khi thị trường luôn yêu cầu giảm chi phí giá thành, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Áp lực về lao động, tiền lương, tạo công ăn việc làm ngày càng lớn do tác động của sự sụt giảm nhu cầu dịch vụ, giá thành dịch vụ giảm trong khi chi phí đầu vào tăng.

**\* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014-2018:**

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty đã định hướng và tích cực triển khai nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, cụ thể như sau:

*Đơn vị: 1.000 đồng*

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	69.466.505	80.366.983	128.069.145	226.407.508	125.041.673
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	3.524.240	3.659.206	5.469.699	3.416.101	2.625.251
3	Nộp NSNN	4.055.033	8.045.975	16.652.018	13.355.539	6.190.896
4	Lao động (Người)	138	152	161	150	138
5	Tỷ lệ cổ tức	0%	0%	0%	3,91%	ĐHĐCĐ thông qua

Giai đoạn 2014-2018 là giai đoạn gặp nhiều khó khăn bởi tác động khách quan của thị trường tuy nhiên doanh thu, lợi nhuận đã tăng trưởng đều so với năm trước với định hướng dịch vụ rõ ràng và phù hợp với sự phát triển của thị trường, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, chi trả đầy đủ tiền lương và các chế độ bảo hiểm cho người lao động. Năm 2012 với lỗ lũy kế (25.364.147 nghìn đồng), HĐQT, Ban TGD và toàn bộ CBCNV Công ty đã rất nỗ lực nhưng lợi nhuận 04 năm sau không đủ để bù đắp lỗ lũy kế nên năm 2016 trích khoản thặng dư vốn để bù lỗ lũy kế, lợi nhuận sau thuế năm 2017 đã được chia cổ tức cho cổ đông năm 2018 với tỷ lệ 3,91% thể hiện sự nỗ lực của Công ty trong việc quan tâm đến quyền lợi của cổ đông. Thông qua Đại hội này, HĐQT Công ty trân trọng cảm ơn Ban TGD và toàn thể người lao động trong Công ty về tất cả những cống hiến đã giành cho Công ty, sự tin tưởng và hỗ trợ của các Cổ đông, Lãnh đạo Tập đoàn VNPT, các đối tác, khách hàng đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng Công ty trong thời gian qua với mong muốn Công ty có những hướng đi mới, mạnh mẽ và hiệu quả hơn trong nhiệm kỳ mới.

**C. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SXKD NHIỆM KỲ 2019-2024:**

**\* Mục tiêu:**

Kế hoạch SXKD nhiệm kỳ 2019-2024 với các chỉ tiêu như sau: Tốc độ tăng trưởng doanh thu hợp nhất và Công ty mẹ TST tăng trưởng tối thiểu 10%; Tốc độ tăng trưởng LNST hợp nhất và Công ty mẹ TST tăng trưởng tối thiểu 15%; Tỷ suất LNST/VCSH hợp nhất và Công ty mẹ TST tối thiểu 6,5%.

**\* Các giải pháp:**

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính.
- Tái cấu trúc bộ máy tổ chức Công ty tinh gọn, hiệu quả phù hợp với hoạt động của mô hình doanh nghiệp đáp ứng các Nghị định của Chính phủ và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường.
- Tập trung phát triển dịch vụ truyền thống chủ lực của Công ty đồng thời mở rộng các ngành nghề dịch vụ mới, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, phát triển dịch vụ mới với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao.
- Thường xuyên chăm lo đời sống người lao động.
- Tăng cường công tác về quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với các thông tin minh bạch, chính xác.
- Quản lý có hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực tài chính và các khoản chi phí trong hoạt động SXKD.

Kính thưa Đại hội!

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2014-2019. HĐQT nhiệm kỳ 2014-2019 tin tưởng Đại hội cổ đông sẽ thảo luận, thông qua định hướng phát triển giai đoạn 5 năm tới, giao cho HĐQT nhiệm kỳ mới tiếp tục lãnh đạo, định hướng, giám sát chặt chẽ giúp Công ty phát triển ổn định bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Đặng Đức Khôi



Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2019

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

Kính thưa Đoàn Chủ tịch, thưa các Quý vị Cổ đông.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2018 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông như sau:

#### **I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

##### **1. Các công tác đã thực hiện năm 2018:**

- Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự một số buổi họp Hội đồng quản trị của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty năm 2018, cụ thể:
  - + Kiểm tra các báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm 2018;
  - + Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi trình Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - + Tham gia ý kiến về một số nội dung thảo luận tại các phiên họp HĐQT được tham dự.

##### **2. Kế hoạch hoạt động năm 2019:**

- Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019;
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

#### **II. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Theo ý kiến Ban Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với các quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã



có các cuộc họp thảo luận và quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến cơ cấu lại tổ chức của Công ty như sau:

+ Phiên họp ngày 08/01/2018: Thực hiện vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình.

+ Phiên họp ngày 23/03/2018: Cử người đại diện vốn của Công ty TST tại Công ty Vina OFC.

+ Phiên họp ngày 06/04/2018: Báo cáo KQSXKD năm 2017, KHSXKD năm 2018, lựa chọn đơn vị kiểm toán, kế hoạch tổ chức ĐHCĐ năm tài chính 2017.

+ Phiên họp ngày 16/04/2018: Thực hiện vay vốn, phát hành LC bảo lãnh, XNCCTD tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình.

+ Phiên họp ngày 17/04/2018: Xin ý kiến biểu quyết cho ĐHCĐ năm tài chính 2017 của Công ty TST; Công ty COMAS đại diện liên danh COMAS-TST thực hiện: phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng, nhận tiền thanh toán về tài khoản của Công ty COMAS, ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty COMAS ký hồ sơ nghiệm thu thanh toán hợp đồng: TECH/TCT-580-18-MOBIFONE/HWSZ-HWVN-COMAS-TST ngày 17/04/2018.

+ Phiên họp ngày 19/04/2018: Thực hiện vay vốn, phát hành LC bảo lãnh, XNCCTD tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình; Công ty COMAS đại diện liên danh COMAS-TST thực hiện: phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng, nhận tiền thanh toán về tài khoản của Công ty COMAS, ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty COMAS ký hồ sơ nghiệm thu thanh toán hợp đồng: TECH/TCT-581-18-MOBIFONE/HW-COMAS-TST ngày 19/04/2018.

+ Phiên họp ngày 25/08/2018: Nhu cầu sử dụng tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

+ Phiên họp ngày 14/09/2018: Thành lập phòng Chứng nhận và Giám định.

+ Phiên họp 24/10/2018: Thực hiện vay vốn, phát hành LC bảo lãnh, XNCCTD tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình.

+ Phiên họp ngày 30/11/2018: Nhu cầu sử dụng tín dụng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong.

+ Phiên họp 07/12/2018: Thành lập Công ty TNHH MTV do Công ty TST làm chủ sở hữu.

+ Phiên họp ngày 21/12/2018: Công ty COMAS đại diện liên danh COMAS-TST thực hiện: phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng, nhận tiền thanh toán về tài khoản của Công ty COMAS, ủy quyền Tổng Giám đốc Công ty COMAS ký hồ sơ nghiệm thu thanh toán hợp đồng: TECH/TCT-608-18-MOBIFONE/HWSZ-HWVN-COMAS-TST ngày 07/12/2018.

### **III. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty:**

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2018 là một năm có nhiều biến động, thách thức và dự báo các năm sau cũng chưa có khả quan, tổng doanh thu của đơn vị năm 2018 giảm 100 tỷ đồng so với năm 2017, nhưng lợi nhuận trước thuế chỉ giảm 367,8 triệu đồng, điều này đánh giá đơn vị đã đạt mục tiêu quan trọng hàng đầu là hiệu quả. Ban kiểm soát đánh giá sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty đã có nhiều cố gắng, vận dụng mọi nguồn lực, tiết kiệm các khoản chi phí, tiền lương duy trì bộ máy hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị... để tìm kiếm lợi nhuận cho doanh



nghiệp, tuy không đạt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận đề ra, nhưng vẫn đảm bảo sự phát triển bền vững của đơn vị, vẫn duy trì chỉ tiêu lợi nhuận.

- Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty thông qua theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán như sau:

*Đơn vị: nghìn đồng*

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện KH (%)
1. Tổng doanh thu	143.665.454	125.041.673	87,03%
2. Tổng lợi nhuận sau thuế của TST	4.045.273	2.625.251	64,89%
3. Chi trả cổ tức	1.877.087	1.876.800	99,94%
4. Số lượng CBCNV bình quân	152	138	90,78%

- Về công tác tài chính: Trong năm 2018, Công ty đã triển khai các biện pháp mở rộng các dịch vụ gia tăng trong lĩnh vực viễn thông để tăng doanh thu và tìm kiếm lợi nhuận từ việc cung cấp các dịch vụ này nhưng vẫn chưa hoàn thành kế hoạch được giao. Qua phân tích, đánh giá việc chưa hoàn thành kế hoạch của đơn vị trong năm 2018 chủ yếu là do việc các đơn vị đối tác, nhất là Tập đoàn VNPT cắt giảm chi phí, định mức công việc thấp nên đã ảnh hưởng lớn đến chỉ tiêu lợi nhuận từ các hợp đồng (Nhất là các hợp đồng xây lắp, lắp đặt Viễn thông). Mặt khác cũng nhận định, Công ty cũng đã có những biện pháp tích cực trong việc tiết giảm các chi phí không cần thiết, nhất là chi tiêu lao động để làm tăng lợi nhuận.

#### **IV. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018:**

##### **1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:**

- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty mẹ và hợp nhất được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Các Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.

- Do Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh không có báo cáo kết quả SXKD, không có hồ sơ và chứng từ tài chính. Vì vậy, vấn đề này cũng như báo cáo của Ban Kiểm soát các năm 2014, 2015, 2016, 2017 và trong báo cáo của năm 2018 Ban Kiểm soát cũng vẫn bảo lưu ý kiến không thể kiểm tra được tính trung thực và hợp lý về số liệu của Chi nhánh này trong các Báo cáo tài chính Công ty.

##### **2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:**

*Đơn vị: nghìn đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH/KH 2018	TH 2018/TH 2017
1. Tổng doanh thu	225.473.133	143.665.454	125.041.673	87,03%	55,45%
2. Tổng lợi nhuận sau thuế	3.416.100	4.045.273	2.625.251	64,89%	76,84%
3. Cổ tức	0	1.877.087	1.876.800	99,94%	99,94%
4. Số lượng lao động	129	152	138	90,78%	106,97%

Qua các số liệu trên cho thấy: nhìn chung năm 2018 Công ty chưa hoàn thành kế hoạch được giao. Đối với chỉ tiêu doanh thu Công ty thực hiện đạt 87,03% kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 64,89% kế hoạch. So với năm 2017 doanh thu và lợi nhuận của Công ty năm 2018 đều giảm. Doanh thu 2018 giảm 100 tỷ so với năm 2017, nhưng tỷ chỉ tiêu lợi nhuận chỉ giảm 367,8 triệu đồng, cho thấy tỷ lệ giảm lợi nhuận so với tỷ lệ giảm doanh thu không lớn. Với kết quả trên cho thấy đánh giá và ghi nhận những nỗ lực lớn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty trong việc thực hiện kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã giao. Tuy chưa đạt được kỳ vọng về mục tiêu lợi nhuận mà Đại hội Cổ đông giao, nhưng vẫn đảm bảo duy trì và phát triển của đơn vị.

### 3. Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018:

#### 3.1 Các chỉ tiêu phân tích tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2017
1. Cơ cấu tài sản:			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	21,13	18,94
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	79,87	81,06
2. Cơ cấu vốn:			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	60,66	63,50
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	39,34	36,50
3. Khả năng thanh toán:			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,07	1,10
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,33	1,29
4. Tỷ suất sinh lời:			
- Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần	%	2,43	1,51
- Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu	%	6,35	3,22

#### 3.2 Nhận xét, đánh giá:

- Công ty vẫn có đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Tỷ suất sinh lời của Công ty năm 2018 cao hơn so với năm 2017. Tuy vậy Ban lãnh đạo Công ty phải xem xét, tính toán tiếp tục tìm kiếm các hợp đồng dịch vụ không cần giá trị cao, nhưng đảm bảo chỉ tiêu hiệu quả, sinh lời.

#### V. Kiến nghị:

- Trong năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã cố gắng, nỗ lực trong công tác thu hồi công nợ phát sinh các năm trước, số phát sinh nợ năm 2018 cũng không nhỏ, đề nghị Ban Giám đốc Công ty phát huy, tiếp tục có những biện pháp tích cực thu hồi công nợ, để tăng vốn SXKD, giảm chi phí đi vay và trả lãi vay.

- Đối với Cơ sở Nhà 21 Đồng Nhân và cơ sở 164 Nguyễn Văn Cừ, ban kiểm soát đề nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tiếp tục tìm kiếm các giải pháp tích cực để hoàn tất thủ tục cấp sổ đỏ cho vị trí đất đai 21 Đồng Nhân và hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đối với cơ sở 164 Nguyễn Văn Cừ.

- Bảo lưu ý kiến, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có các biện pháp kiên quyết, tích cực, mạnh mẽ hơn, phối hợp tốt với các cơ quan thực thi Pháp luật, các cơ quan hữu quan xử lý dứt điểm các hậu quả tồn đọng trong việc giải thể Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, nhất là công nợ, tài sản, hồ sơ chứng từ, báo cáo tài chính. Để



trong thời gian sớm nhất có thể giải thể được Chi nhánh này. Vấn đề này đã được Ban Kiểm soát nêu trong báo cáo năm 2015, 2016 và 2017 đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty lưu tâm.

- Đề nghị Công ty có các biện pháp tích cực, phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước để hoàn thiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với trụ sở làm việc của Chi nhánh Cần Thơ, nhanh chóng hoàn thiện thủ tục tăng tài sản, trích khấu hao, thu hồi vốn.

- Như đã nêu ở phần nhận xét đánh giá năm 2018: các đơn vị chủ dịch vụ luôn đưa ra nhiều biện pháp cắt giảm chi phí, đây chính là nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng chỉ tiêu lợi nhuận của TST tăng không tương xứng với chỉ tiêu doanh thu. Trong năm qua, Ban lãnh đạo Công ty đã có các biện pháp tích cực mở rộng các dịch vụ gia tăng trong lĩnh vực viễn thông, cũng như nhiều lĩnh vực khác để tăng doanh thu tìm kiếm lợi nhuận. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo ban Tổng giám đốc điều hành cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng, phân tích các yếu tố ảnh hưởng, những rủi ro... trước khi ký thực hiện, làm sao ngoài việc duy trì hoạt động, nhưng mục tiêu quan trọng và hàng đầu vẫn là lợi nhuận.

- Đề nghị Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu thị trường để phát triển các loại hình sản phẩm dịch vụ mới, mở rộng thị trường đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2018, xin ý kiến đóng góp của các Quý cổ đông.

Xin chúc Quý cổ đông của Công ty mạnh khỏe, thành đạt và hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- + Như trên;
- + HĐQT;
- + Các thành viên BKS;
- + Ban TGD Công ty;
- + Lưu: VT Công ty.

**BAN KIỂM SOÁT**

**THÀNH VIÊN 1**

**THÀNH VIÊN 2**



**Phạm Nhật Quang**

**Phan Thị Phương Dung**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 37

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 8 năm 2000 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên công ty, ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 07 tháng 12 năm 2015 về việc thay đổi thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 736 69 84
- Fax : 0243 568 22 40

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Đo kiểm các công trình viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình nhà cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Đức Khôi	Chủ tịch	Ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Cao Hồng Việt	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Quang Trung	Ủy viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2017

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Nhật Quang	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2014
Bà Phan Thị Phương Dung	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2014

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 01 năm 2013
Ông Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 22 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2017

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Sỹ Kiên – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2013).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Phan Sỹ Kiên

Ngày 19 tháng 3 năm 2019



Số: 2.0186/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh (“Chi nhánh”) đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013, tuy nhiên, số liệu liên quan đến tài sản, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả của Chi nhánh vẫn được cộng hợp và thể hiện trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của toàn Công ty, cụ thể:

Khoản mục	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	V.3	1.277.165.908	1.277.165.908
Phải thu khác	V.5	12.753.473.404	12.753.473.404
Hàng tồn kho	V.8	1.327.799.572	1.327.799.572
Tài sản khác		177.418.736	177.418.736
<b>Cộng</b>		<b>15.535.857.620</b>	<b>15.535.857.620</b>
Phải trả người bán	V.13	2.807.326.139	2.807.326.139
Chi phí phải trả	V.16	6.253.418.069	6.253.418.069
Phải trả khác	V.18a	1.990.198.309	1.990.198.309
<b>Cộng</b>		<b>11.050.942.517</b>	<b>11.050.942.517</b>

Công ty chưa thực hiện rà soát, đối chiếu các số liệu có liên quan của Chi nhánh để xác định và ghi nhận phù hợp giá trị tài sản, nợ phải thu có thể thu hồi và nghĩa vụ nợ phải trả, cũng như đánh giá và ghi nhận các khoản tổn thất tài sản (nếu có). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

- Công ty chưa thực hiện xuất hóa đơn Giá trị gia tăng đối với một số khoản doanh thu ghi nhận trong năm, tương ứng với nghĩa vụ thuế Giá trị gia tăng chưa được phản ánh là 2.603.244.200 VND.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.20 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó Công ty đã chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/NQĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018. Việc chi trả cổ tức này là chưa phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 do đã chi quá Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>166.358.110.857</b>	<b>185.203.366.392</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.777.753.117</b>	<b>5.567.358.246</b>
1. Tiền	111		2.777.753.117	5.567.358.246
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>140.458.470.651</b>	<b>160.355.949.358</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	98.373.783.765	115.987.566.653
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	750.856.604	1.435.241.969
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	47.221.138.046	48.525.102.114
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.023.475.565)	(5.728.129.179)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	136.167.801	136.167.801
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>22.489.097.398</b>	<b>18.499.806.301</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	24.292.251.536	19.839.860.439
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(1.803.154.138)	(1.340.054.138)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>632.789.691</b>	<b>780.252.487</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	86.553.726	195.817.171
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.779.425	7.779.426
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	538.456.540	576.655.890
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>58.194.725.449</b>	<b>59.023.147.522</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>65.375.000</b>	<b>124.077.242</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	65.375.000	124.077.242
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24.972.881.056</b>	<b>26.300.672.243</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	4.955.393.238	6.274.184.425
<i>Nguyên giá</i>	222		46.417.149.095	46.775.063.673
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(41.461.755.857)	(40.500.879.248)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	20.017.487.818	20.026.487.818
<i>Nguyên giá</i>	228		20.199.237.818	20.199.237.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(181.750.000)	(172.750.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.054.313.636</b>	<b>1.054.313.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.054.313.636	1.054.313.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>30.400.000.000</b>	<b>30.400.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		15.300.000.000	15.300.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.140.000.000	14.140.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.890.000.000	5.890.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.702.155.757</b>	<b>1.144.084.401</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.702.155.757	1.144.084.401
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>224.552.836.306</b>	<b>244.226.513.914</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>142.652.209.802</b>	<b>162.038.847.002</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>142.014.350.702</b>	<b>160.835.520.296</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	52.211.971.930	75.600.115.493
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	797.691.127	1.613.690.427
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.449.935.297	4.325.832.098
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	24.212.578.200	8.271.920.850
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	138.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	25.300.906.523	26.270.898.690
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	35.903.267.625	44.753.062.738
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>637.859.100</b>	<b>1.203.326.706</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	120.000.000	220.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	517.859.100	983.326.706
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

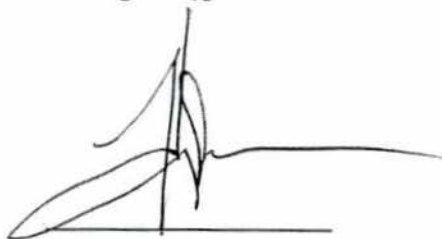
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

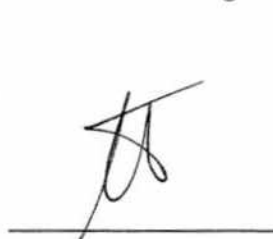
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>81.900.626.504</b>	<b>82.187.666.912</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>81.900.626.504</b>	<b>82.187.666.912</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.663.796.276	32.663.796.276
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.057.499	100.057.499
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		36.614.084	36.614.084
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.100.158.645	1.387.199.053
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(489.600.947)	1.387.199.053
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.589.759.592	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>224.552.836.306</b>	<b>244.226.513.914</b>

Người lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019



Phan Sỹ Kiên



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	113.058.084.913	203.110.691.968
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		113.058.084.913	203.110.691.968
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.148.726.981	182.967.554.083
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.909.357.932	20.143.137.885
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	207.661.473	471.385.812
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.340.091.901	3.562.982.551
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.267.204.353	3.365.977.368
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.003.023.718	3.537.364.559
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.317.202.355	12.025.979.121
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.456.701.431	1.488.197.466
11. Thu nhập khác	31	VI.7	118.312.568	473.874.760
12. Chi phí khác	32	VI.8	610.119.480	84.985.173
13. Lợi nhuận khác	40		(491.806.912)	388.889.587
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.964.894.519	1.877.087.053
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	375.134.927	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.589.759.592</u>	<u>1.877.087.053</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Người lập biểu



Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

118  
119  
120  
121  
122  
123  
124  
125  
126  
127  
128  
129  
130  
131  
132  
133  
134  
135  
136  
137  
138  
139  
140  
141  
142  
143  
144  
145  
146  
147  
148  
149  
150

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.964.894.519	1.877.087.053
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.10, 11	1.475.991.187	1.992.540.049
- Các khoản dự phòng	03	758.446.386	945.512.891
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	72.887.548	6.437.196
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05 VI.3	(198.720.000)	(459.000.000)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	3.267.204.353	3.365.977.368
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.340.703.993	7.728.554.557
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.754.747.914	(62.062.398.490)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.452.391.097)	(2.198.771.527)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(10.652.375.684)	46.482.851.025
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(448.807.911)	118.981.804
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.267.204.353)	(3.365.977.368)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(55.714.000)	(7.686.738.815)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>8.218.958.862</b>	<b>(20.983.498.814)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(148.200.000)	(78.600.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	198.720.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>50.520.000</b>	<b>(78.600.000)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33 V.19	78.535.016.503	119.552.656.838
4. Tiền trả nợ gốc vay	34 V.19	(87.850.279.222)	(98.186.030.113)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.743.821.272)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.059.083.991)</b>	<b>21.366.626.725</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(2.789.605.129)</b>	<b>304.527.911</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60 V.1</b>	<b>5.567.358.246</b>	<b>5.262.830.335</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70 V.1</b>	<b>2.777.753.117</b>	<b>5.567.358.246</b>

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019



Phan Sỹ Kiên

7.2.11  
H  
V

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và lắp đặt.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam) có trụ sở chính tại 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con là 50,54%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Công ty liên doanh, liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina – OFC có trụ sở chính tại Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất thiết bị điện và dịch vụ đo kiểm cáp quang. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 25%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại Thành phố Đà Nẵng	855 Nguyễn Hữu Thọ, 667 phường Khê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại Thành phố Cần Thơ	42 Quang Trung, khu đô thị Phú An, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Bảo dưỡng – Đo kiểm	Số 164 phố Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 1	Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại Thành phố Hồ Chí Minh (đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013)	196/3 Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 117 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 129 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

---

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tập hợp cho các công trình dở dang.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí Công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 12
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 6

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 đến 05 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 12. **Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

9:00  
ANH  
TY  
HỮU  
TƯ  
C  
NỘI  
TP



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	96.562.456	58.771.516
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.681.190.661	5.508.586.730
<b>Cộng</b>	<b><u>2.777.753.117</u></b>	<b><u>5.567.358.246</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>15.300.000.000</b>		<b>15.300.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam <sup>(i)</sup>	15.300.000.000		15.300.000.000	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>14.140.000.000</b>		<b>14.140.000.000</b>	
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC <sup>(ii)</sup>	14.140.000.000		14.140.000.000	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>5.890.000.000</b>	<b>(4.930.000.000)</b>	<b>5.890.000.000</b>	<b>(4.930.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bru điện	4.930.000.000	(4.930.000.000)	4.930.000.000	(4.930.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	960.000.000		960.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>35.330.000.000</b>	<b>(4.930.000.000)</b>	<b>35.330.000.000</b>	<b>(4.930.000.000)</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102370063 ngày 18 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam (trước là “Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam”) 15.300.000.000 VND, tương đương 50,54% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100113423 ngày 27 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt nam Vina - OFC 25% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC theo đăng ký.

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm, Công ty không phát sinh trích lập, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư.

#### Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty con và Công ty liên kết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>145.024.000</i>	<i>145.024.000</i>
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam	145.024.000	145.024.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>98.228.759.765</i>	<i>115.842.542.653</i>
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông - Viteco		44.025.319.588
Công ty Cổ phần COKYVINA	34.244.076.252	8.003.813.429
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	4.360.441.798	2.053.430.346
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng	5.107.739.120	4.802.772.700
Tổng Công ty Hạ tầng mạng		23.520.981.757
Trung tâm mạng lưới MobiFone Miền Bắc- Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	3.890.611.882	5.574.676.168
Các khách hàng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.277.165.908	1.277.165.908
Các khách hàng khác	49.348.724.805	26.584.382.757
<b>Cộng</b>	<b><u>98.373.783.765</u></b>	<b><u>115.987.566.653</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>750.856.604</i>	<i>1.435.241.969</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghệ Vecta Pty Ltd	151.800.000	1.076.648.040
Các nhà cung cấp khác	599.056.604	358.593.929
<b>Cộng</b>	<b><u>750.856.604</u></b>	<b><u>1.435.241.969</u></b>

**5. Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>459.000.000</i>		<i>459.000.000</i>	
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam - Cổ tức	459.000.000		459.000.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>46.762.138.046</i>	<i>(5.512.626.280)</i>	<i>48.066.102.114</i>	<i>(5.217.279.894)</i>
Phải thu cán bộ công nhân viên	4.055.320.249	(1.919.569.484)	2.831.861.218	(1.919.569.484)
Tạm ứng	3.953.311.819		5.108.154.033	
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	399.851.325		4.082.255.608	
Phải thu do chi quá quỹ phúc lợi	5.948.387.682		5.892.673.682	
Các khoản phải thu tại chi nhánh Hồ Chí Minh	12.753.473.404		12.753.473.404	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.651.793.567	(3.593.056.796)	17.397.684.169	(3.297.710.410)
<b>Cộng</b>	<b><u>47.221.138.046</u></b>	<b><u>(5.512.626.280)</u></b>	<b><u>48.525.102.114</u></b>	<b><u>(5.217.279.894)</u></b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

Các khoản nợ xấu có thời gian quá hạn trên 3 năm. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>				
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>6.023.475.565</b>		<b>5.728.129.179</b>	
Nghiêm Xuân Bình - Phải thu tạm ứng công trình	1.145.857.811		1.145.857.811	
Đình Châu Giang - Phải thu tạm ứng công trình	203.814.768		203.814.768	
Phải thu do chi quá tiền lương của Xí nghiệp Tư vấn Thiết kế đã giải thể	1.499.798.702		1.499.798.702	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.174.004.284		2.878.657.898	
<b>Cộng</b>	<b>6.023.475.565</b>		<b>5.728.129.179</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.728.129.179	5.245.043.055
Trích lập dự phòng bổ sung	295.346.386	483.086.124
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.023.475.565</b>	<b>5.728.129.179</b>

**7. Tài sản thiếu chờ xử lý**

Là hàng tồn kho thiếu chờ xử lý tại Chi nhánh Cần Thơ.

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.009.358.674	(1.803.154.138)	5.958.513.534	(1.340.054.138)
Công cụ, dụng cụ	38.206.400		8.534.600	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.165.646.286		11.759.663.979	
Hàng tồn kho tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.327.799.572		1.327.799.572	
Hàng hóa	751.240.604		785.348.754	
<b>Cộng</b>	<b>24.292.251.536</b>	<b>(1.803.154.138)</b>	<b>19.839.860.439</b>	<b>(1.340.054.138)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.340.054.138	877.627.371
Trích lập dự phòng bổ sung	463.100.000	462.426.767
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.803.154.138</b>	<b>1.340.054.138</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	86.553.726	179.617.171
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác		16.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>86.553.726</u></b>	<b><u>195.817.171</u></b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí giải thể các chi nhánh	859.233.551	859.233.551
Chi phí sửa chữa	764.442.836	
Các chi phí trả trước dài hạn khác	78.479.370	284.850.850
<b>Cộng</b>	<b><u>1.702.155.757</u></b>	<b><u>1.144.084.401</u></b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	11.848.400.004	23.583.420.044	10.037.178.277	1.306.065.348	46.775.063.673
Mua trong năm		148.200.000			148.200.000
Thanh lý, nhượng bán				(506.114.578)	(506.114.578)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>11.848.400.004</u></b>	<b><u>23.731.620.044</u></b>	<b><u>10.037.178.277</u></b>	<b><u>799.950.770</u></b>	<b><u>46.417.149.095</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.342.330.055	21.378.661.039	3.977.000.277	426.591.679	36.124.583.050
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	11.507.841.846	22.060.506.785	5.842.858.876	1.089.671.740	40.500.879.248
Khấu hao trong năm	196.907.008	389.737.911	745.321.752	135.024.516	1.466.991.187
Thanh lý, nhượng bán				(506.114.578)	(506.114.578)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>11.704.748.854</u></b>	<b><u>22.450.244.696</u></b>	<b><u>6.588.180.628</u></b>	<b><u>718.581.678</u></b>	<b><u>41.461.755.857</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	340.558.158	1.522.913.259	4.194.319.401	216.393.608	6.274.184.425
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>143.651.150</u></b>	<b><u>1.281.375.348</u></b>	<b><u>3.448.997.649</u></b>	<b><u>81.369.092</u></b>	<b><u>4.955.393.238</u></b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 3.448.997.649 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số 19a).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	205.000.000	20.199.237.818
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.994.237.818</b>	<b>205.000.000</b>	<b>20.199.237.818</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		160.000.000	160.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm		172.750.000	172.750.000
Khấu hao trong năm		9.000.000	9.000.000
<b>Số cuối năm</b>		<b>181.750.000</b>	<b>181.750.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	32.250.000	20.026.487.818
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.994.237.818</b>	<b>23.250.000</b>	<b>20.017.487.818</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

(\*) Là quyền sử dụng đất 245,4 m<sup>2</sup> tại số 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, không xác định thời hạn nên không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất này được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V19a).

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng công trình trụ sở chi nhánh Cần Thơ.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>52.211.971.930</i>	<i>75.600.115.493</i>
Công ty TNHH ZTE HK (VIETNAM)	35.886.296.929	30.059.879.363
ZTE Corporation	3.613.338.676	11.823.391.137
Các nhà cung cấp Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.807.326.139	2.807.326.139
Các nhà cung cấp khác	9.905.010.186	30.909.518.854
<b>Cộng</b>	<b>52.211.971.930</b>	<b>75.600.115.493</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>111.204.869</i>	<i>111.204.869</i>
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam	111.204.869	111.204.869
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>686.486.258</i>	<i>1.502.485.558</i>
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ Công An	816.000.000	816.000.000
Các khách hàng khác	686.486.258	686.485.558
<b>Cộng</b>	<b>797.691.127</b>	<b>1.613.690.427</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.272.358.328	142.038.641	4.474.589.560	(5.747.532.770)	2.999.415.118	142.038.641
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			15.600.400	(15.600.400)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.026.020	38.199.350	375.134.927		350.961.597	
Thuế thu nhập cá nhân	39.447.750	497.262	367.260.463	(307.149.631)	99.558.582	497.262
Các loại thuế khác		395.920.637	8.000.000	(8.000.000)		395.920.637
<b>Cộng</b>	<b>4.325.832.098</b>	<b>576.655.890</b>	<b>5.240.585.350</b>	<b>(6.078.282.801)</b>	<b>3.449.935.297</b>	<b>538.456.540</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.964.894.519	1.877.087.053
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	109.500.114	114.131.060
<i>Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu</i>	<i>36.472.114</i>	<i>41.139.691</i>
<i>Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ đồng</i>	<i>73.028.000</i>	<i>73.028.000</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm		(36.631)
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản công nợ phải thu cuối năm trước</i>		<i>(36.631)</i>
Thu nhập chịu thuế	2.074.394.633	1.991.218.113
Thu nhập miễn thuế	(198.720.000)	(459.000.000)
Lỗ các năm trước được chuyển		(1.532.218.113)
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.875.674.633</b>	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>375.134.927</b>	

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>24.212.578.200</b>	<b>8.271.920.850</b>
Giá vốn trích trước	17.697.543.579	1.732.529.099
Chi phí phải trả tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.253.418.069	6.253.418.069
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	261.616.552	285.973.682
<b>Cộng</b>	<b>24.212.578.200</b>	<b>8.271.920.850</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là doanh thu chưa thực hiện của hoạt động cho thuê nhà.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 18. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác

##### 18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>25.300.906.523</b>	<b>26.270.898.690</b>
Kinh phí công đoàn	726.291.280	681.306.418
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.108.564.928	760.471.800
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	110.418.361	10.420.361
Phải trả cán bộ công nhân viên về chi phí thực hiện công trình	17.930.402.844	20.137.711.233
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.156.794.429	1.023.815.701
Phải trả ngắn hạn khác tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.990.198.309	1.990.198.309
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.278.236.372	1.666.974.868
<b>Cộng</b>	<b>25.300.906.523</b>	<b>26.270.898.690</b>

##### 18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 19. Vay ngắn hạn/dài hạn

##### 19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>30.732.800.019</b>	<b>43.447.259.491</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình <sup>(ii)</sup>	21.036.135.452	21.316.966.715
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(iii)</sup>	9.696.664.567	22.130.292.776
<i>Vay Ông Phạm Văn Khánh <sup>(i)</sup></i>	<b>4.705.000.000</b>	<b>464.000.000</b>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<b>465.467.606</b>	<b>841.803.247</b>
<b>Cộng</b>	<b>35.903.267.625</b>	<b>44.753.062.738</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo của cá nhân để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 12%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước, thời hạn vay không quá 9 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4B-4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước, thời hạn vay không quá 9 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4A Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	43.447.259.491	59.705.016.503		(72.419.475.975)	30.732.800.019
Vay ngắn hạn cá nhân	464.000.000	18.830.000.000		(14.589.000.000)	4.705.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	841.803.247		465.467.606	(841.803.247)	465.467.606
<b>Cộng</b>	<b>44.753.062.738</b>	<b>78.535.016.503</b>	<b>465.467.606</b>	<b>(87.850.279.222)</b>	<b>35.903.267.625</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 19b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay từ 02 đến 05 năm theo từng kế ước kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	983.326.706	1.525.569.943
Số tiền vay phát sinh		399.680.000
Số tiền vay đã trả		(100.119.990)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(465.467.606)	(841.803.247)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>517.859.100</u></b>	<b><u>983.326.706</u></b>

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	465.467.606	841.803.247
Trên 1 năm đến 5 năm	517.859.100	983.326.706
Trên 5 năm		
<b>Cộng</b>	<b><u>983.326.706</u></b>	<b><u>1.825.129.953</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	48.000.000.000	49.699.560.000	5.705.040.749	36.614.084	(17.035.763.724)	86.405.451.109
Lợi nhuận trong năm trước					1.877.087.053	1.877.087.053
Trích thù lao HĐQT, BKS					(489.888.000)	(489.888.000)
Bù đắp lỗ lũy kế bằng thặng dư vốn cổ phần		(17.035.763.724)			17.035.763.724	
Chi quỹ			(5.604.983.250)			(5.604.983.250)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>100.057.499</b>	<b>36.614.084</b>	<b>1.387.199.053</b>	<b>82.187.666.912</b>
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	32.663.796.276	100.057.499	36.614.084	1.387.199.053	82.187.666.912
Lợi nhuận trong năm					1.589.759.592	1.589.759.592
Chia cổ tức <sup>(i)</sup>					(1.876.800.000)	(1.876.800.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>100.057.499</b>	<b>36.614.084</b>	<b>1.100.158.645</b>	<b>81.900.626.504</b>

<sup>(i)</sup> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/NQĐHDCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền 1.877.087.000 VND. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 30 tháng 11 năm 2018, ngày thanh toán cổ tức là ngày 18 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ thực hiện là 3,91%/cổ phiếu, tương đương 1.876.800.000 VND. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**20b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 4.225,74 USD (số đầu năm là 231,24 USD).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa		88.600.554.742
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.911.366.704	10.255.891.818
Doanh thu hoạt động xây lắp	102.146.718.209	104.254.245.408
<b>Cộng</b>	<b>113.058.084.913</b>	<b>203.110.691.968</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán		84.572.304.218
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.970.143.758	6.518.026.557
Giá vốn của hoạt động xây lắp	87.715.483.223	91.414.796.541
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	463.100.000	462.426.767
<b>Cộng</b>	<b>95.148.726.981</b>	<b>182.967.554.083</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.941.473	12.385.812
Cổ tức, lợi nhuận được chia	198.720.000	459.000.000
<b>Cộng</b>	<b>207.661.473</b>	<b>471.385.812</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.267.204.353	3.365.977.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		190.567.987
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	72.887.548	6.437.196
<b>Cộng</b>	<b><u>3.340.091.901</u></b>	<b><u>3.562.982.551</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	28.417.914	50.402.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.746.975.020	3.202.261.088
Các chi phí khác	227.630.784	284.700.690
<b>Cộng</b>	<b><u>2.003.023.718</u></b>	<b><u>3.537.364.559</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.147.750.142	5.455.037.477
Chi phí đồ dùng văn phòng	365.217.926	188.348.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	455.417.808	568.204.920
Thuế, phí và lệ phí	50.431.671	45.492.207
Dự phòng phải thu khó đòi	295.346.386	483.086.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.716.037.580	3.382.538.097
Các chi phí khác	1.287.000.842	1.903.272.275
<b>Cộng</b>	<b><u>10.317.202.355</u></b>	<b><u>12.025.979.121</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ các khoản được hỗ trợ	90.660.000	453.500.000
Thu nhập khác	27.652.568	20.374.760
<b>Cộng</b>	<b><u>118.312.568</u></b>	<b><u>473.874.760</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	36.472.114	41.139.691
Chi phí thanh lý nguyên vật liệu	42.791.894	
Phạt vi phạm hợp đồng	525.521.836	
Chi phí khác	5.333.636	43.845.482
<b>Cộng</b>	<b><u>610.119.480</u></b>	<b><u>84.985.173</u></b>

**9. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.046.345.273 VND (năm trước là 1.641.364.695 VND).

##### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC	Công ty liên kết
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a và V.14.

#### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

##### 2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Bán vật tư.
- Lĩnh vực dịch vụ: Tối ưu hóa, sửa chữa ứng cứu, bảo dưỡng, tư vấn thiết kế, cho thuê nhà trạm.
- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt các dịch vụ hạ tầng viễn thông

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		10.911.366.704	102.146.718.209	113.058.084.913
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>10.911.366.704</b>	<b>102.146.718.209</b>	<b>113.058.084.913</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận		3.941.222.946	13.968.134.986	17.909.357.932
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(12.320.226.073)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.589.131.859
Doanh thu hoạt động tài chính				207.661.473
Chi phí tài chính				(3.340.091.901)
Thu nhập khác				118.312.568
Chi phí khác				(610.119.480)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(375.134.927)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>1.589.759.592</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>148.200.000</b>	<b>148.200.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>1.695.519.324</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	88.600.554.742	10.255.891.818	104.254.245.408	203.110.691.968
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>88.600.554.742</b>	<b>10.255.891.818</b>	<b>104.254.245.408</b>	<b>203.110.691.968</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.565.823.757	3.737.865.261	12.839.448.867	20.143.137.885
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(15.563.343.680)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.579.794.205
Doanh thu hoạt động tài chính				471.385.812
Chi phí tài chính				(3.562.982.551)
Thu nhập khác				473.874.760
Chi phí khác				(84.985.173)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>1.877.087.053</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>78.600.000</b>	<b>78.600.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>2.114.350.885</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận		10.279.726.350	99.758.447.343	110.038.173.693
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				114.514.662.613
<b>Tổng tài sản</b>				<b>224.552.836.306</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>				
		3.613.338.676	71.514.243.352	75.127.582.028
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				67.524.627.774
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>142.652.209.802</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	23.520.981.757	11.900.362.127	79.305.965.324	114.727.309.208
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				129.499.204.706
<b>Tổng tài sản</b>				<b>244.226.513.914</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>				
	30.059.879.363	11.823.391.137	51.930.119.695	93.813.390.195
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				68.225.456.807
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>162.038.847.002</b>

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

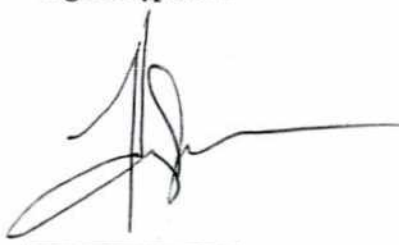
Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên



CHỨNG THỰC  
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số: 9440...quyển: 01...CT/BS  
Ngày: 26 -03- 2019

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**



CÔNG CHỨNG VIÊN  
*Hoàng Thủy Tiên*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 39

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

### **Khái quát về Công ty**

Công ty là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 15 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên công ty, ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 07 tháng 12 năm 2015 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 736 69 84
- Fax : 0243 568 22 40

### **Hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Đo kiểm các công trình viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình nhà cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Đức Khôi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Ông Cao Hồng Việt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Quang Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2016
Ông Phạm Nhật Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014
Bà Phan Thị Phương Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2014

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2013
Ông Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2013
Ông Đặng Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2017

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Sỹ Kiên – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2013).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Nhóm Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
**Tổng Giám đốc**  
  


**Phan Sỹ Kiên**

Ngày 19 tháng 3 năm 2019



Số: 2.0187/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2019, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Chi nhánh của Công ty mẹ tại thành phố Hồ Chí Minh (“Chi nhánh”) đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013, tuy nhiên, số liệu liên quan đến tài sản, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả của Chi nhánh vẫn được cộng hợp và thể hiện trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty mẹ. Cụ thể:

Khoản mục	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	V.3	1.277.165.908	1.277.165.908
Phải thu khác	V.5	12.753.473.404	12.753.473.404
Hàng tồn kho	V.8	1.327.799.572	1.327.799.572
Tài sản khác		177.418.736	177.418.736
<b>Cộng</b>		<b>15.535.857.620</b>	<b>15.535.857.620</b>
Phải trả người bán	V.13	2.807.326.139	2.807.326.139
Chi phí phải trả	V.16	6.253.418.069	6.253.418.069
Phải trả khác	V.18a	1.990.198.309	1.990.198.309
<b>Cộng</b>		<b>11.050.942.517</b>	<b>11.050.942.517</b>

Công ty chưa thực hiện rà soát, đối chiếu các số liệu có liên quan của Chi nhánh để xác định và ghi nhận phù hợp giá trị tài sản, nợ phải thu có thể thu hồi và nghĩa vụ nợ phải trả, cũng như đánh giá và ghi nhận các khoản tổn thất tài sản (nếu có). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

- Công ty chưa thực hiện xuất hóa đơn Giá trị gia tăng đối với một số khoản doanh thu ghi nhận trong năm, tương ứng với nghĩa vụ thuế Giá trị gia tăng chưa được phản ánh là 2.603.244.200 VND.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.20 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó Công ty đã chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/NQĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018. Việc chi trả cổ tức này là chưa phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 do đã chi quá Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1  
Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2014-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>216.634.774.640</b>	<b>235.310.507.827</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.533.185.620</b>	<b>8.000.041.091</b>
1. Tiền	111		3.533.185.620	8.000.041.091
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>170.894.262.186</b>	<b>191.819.606.192</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	√ 125.644.443.109	144.927.024.414
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	991.968.087	1.677.105.448
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	√ 50.145.158.754	50.807.437.708
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.023.475.565)	(5.728.129.179)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	136.167.801	136.167.801
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>41.562.369.824</b>	<b>34.690.691.451</b>
1. Hàng tồn kho	141		43.365.523.962	36.030.745.589
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.803.154.138)	(1.340.054.138)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>644.957.010</b>	<b>800.169.093</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	98.721.045	204.829.086
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.779.425	7.779.426
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	538.456.540	587.560.581
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>54.587.491.418</b>	<b>55.014.759.141</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>65.375.000</b>	<b>124.077.242</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	65.375.000	124.077.242
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.608.697.845</b>	<b>34.333.679.336</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	12.591.210.027	14.307.191.518
<i>Nguyên giá</i>	222		55.767.632.792	56.125.547.370
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(43.176.422.765)	(41.818.355.852)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	20.017.487.818	20.026.487.818
<i>Nguyên giá</i>	228		20.199.237.818	20.199.237.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(181.750.000)	(172.750.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.054.313.636</b>	<b>1.054.313.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	1.054.313.636	1.054.313.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.067.562.663</b>	<b>18.110.335.525</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	18.107.562.663	17.150.335.525
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	5.890.000.000	5.890.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.930.000.000)	(4.930.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.791.542.274</b>	<b>1.392.353.402</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.791.542.274	1.392.353.402
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>271.222.266.058</b>	<b>290.325.266.968</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>164.528.890.465</b>	<b>184.380.343.364</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>163.109.831.365</b>	<b>182.093.416.658</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	59.975.136.674	84.072.960.820
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	759.767.858	1.539.337.558
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.698.774.738	4.382.992.606
4. Phải trả người lao động	314		567.000.000	1.046.800.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	24.368.806.331	8.271.920.850
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	138.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	30.119.678.139	31.205.702.306
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	43.482.667.625	51.476.479.076
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	97.223.442
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.419.059.100</b>	<b>2.286.926.706</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	120.000.000	220.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.299.059.100	2.066.926.706
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>106.693.375.593</b>	<b>105.944.923.604</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>106.693.375.593</b>	<b>105.944.923.604</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.663.796.276	32.663.796.276
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.818.768	1.591.818.768
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		100.242.705	100.242.705
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.470.483.764	5.760.740.725
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.883.940.725	5.760.740.725
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.586.543.039	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.867.034.080	17.828.325.130
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>271.222.266.058</b>	<b>290.325.266.968</b>

Người lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019



Phan Sỹ Kiên



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khuong Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ \*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	125.041.673.467	225.473.133.549
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		125.041.673.467	225.473.133.549
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	103.673.293.361	201.517.713.052
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.368.380.106	23.955.420.497
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	208.481.213	55.991.304
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.878.733.248	3.753.680.285
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.791.422.868	3.537.498.975
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2a	957.227.138	1.272.299.956
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.133.997.173	3.797.574.725
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.268.784.894	15.119.467.660
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.252.573.142	2.612.989.087
12. Thu nhập khác	31	VI.7	118.312.568	934.374.760
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.322.594.103	131.262.666
14. Lợi nhuận khác	40		(1.204.281.535)	803.112.094
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.048.291.607	3.416.101.181
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		423.039.618	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.625.251.989</u>	<u>3.416.101.181</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>2.586.543.039</u>	<u>3.057.172.656</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>38.708.950</u>	<u>358.928.525</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>539</u>	<u>637</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>539</u>	<u>637</u>

Người lập biểu

Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu



Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc

Phan Sỹ Kiên

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.048.291.607	3.416.101.18
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10,11	1.873.181.491	2.385.858.50
- Các khoản dự phòng	03		661.222.944	945.512.89
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	75.549.369	6.437.19
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(198.720.000)	(458.000.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.791.422.868	3.537.498.97
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.250.948.279	9.833.408.744
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.260.290.766	(68.542.559.162)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.334.778.373)	(5.819.864.172)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(11.740.684.425)	47.719.551.418
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(293.080.831)	82.902.267
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.635.194.737)	(3.537.498.975)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(37.000.000)	(5.366.667)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(479.714.000)	(6.969.978.869)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.990.786.679</b>	<b>(27.239.405.416)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(148.200.000)	(2.113.877.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	464.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		198.720.000	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>50.520.000</b>	<b>(1.649.877.273)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

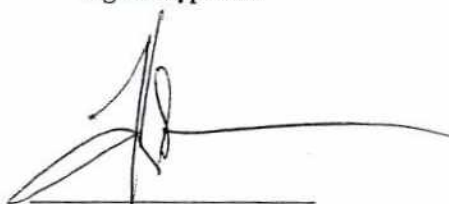
## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-			
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	87.562.016.503		129.390.673.176	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(96.323.695.560)		(99.917.030.113)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.743.821.272)		(50.000.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(10.505.500.329)</i>		<i>29.423.643.063</i>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(4.464.193.650)</b>		<b>534.360.374</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>8.000.041.091</b>		<b>7.465.680.717</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.661.821)		-	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.533.185.620</b>		<b>8.000.041.091</b>	

Người lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu



Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc

Phan Sỹ Kiên

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và lắp đặt.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 5a. Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam (tên gọi cũ “Công ty Cổ phần Huawei – TST Việt Nam) có trụ sở chính tại 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con là 50,54% (số đầu năm là 50,54%).

##### 5b. Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cáp quang Việt Nam Vina OFC có trụ sở chính tại Dốc Vân, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất thiết bị điện và dịch vụ đo kiểm cáp quang. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 25% (số đầu năm là 25%).

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 138 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Nhóm Công ty (số đầu năm là 150 nhân viên).



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (Ngân hàng Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Nhóm Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí tập hợp cho các công trình dở dang.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 6

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất tại Công ty mẹ không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

#### Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 đến 05 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Nhóm Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Nhóm Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Nhóm Công ty đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	790.430.699	1.208.180.893
Tiền gửi ngân hàng	2.742.754.921	6.791.860.198
<b>Cộng</b>	<b><u>3.533.185.620</u></b>	<b><u>8.000.041.091</u></b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Nhóm Công ty bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Nhóm Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC, là một công ty thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2008 tại Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ (số đầu năm là 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ).

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	14.140.000.000	14.140.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	3.967.562.663	3.010.335.525
<b>Cộng</b>	<b><u>18.107.562.663</u></b>	<b><u>17.150.335.525</u></b>

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	17.150.335.525	15.878.035.569
Phần lãi hoặc lỗ	957.227.138	1.272.299.956
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>18.107.562.663</u></b>	<b><u>17.150.335.525</u></b>

*Tình hình hoạt động của công ty liên kết*

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

*Giao dịch với công ty liên kết*

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện	4.930.000.000	(4.930.000.000)	4.930.000.000	(4.930.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	960.000.000		960.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>5.890.000.000</u></b>	<b><u>(4.930.000.000)</u></b>	<b><u>5.890.000.000</u></b>	<b><u>(4.930.000.000)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### *Giá trị hợp lý*

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh trích lập/hoàn nhập dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>125.644.443.109</i>	<i>144.927.024.414</i>
Tổng Công ty Hạ tầng mạng		23.520.981.757
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông - Viteco		44.025.319.588
Ban quản lý Dự án Hạ tầng I - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	996.495.238	6.228.248.510
Công ty Cổ phần Cokyvina	34.244.076.252	
Trung tâm Hạ tầng mạng Miền Bắc-Chi nhánh Tổng Công ty Hạ tầng mạng	5.107.739.120	4.802.772.700
Trung tâm Mạng lưới MobiFone Miền Bắc- Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	3.970.104.482	7.164.528.168
Các khách hàng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	1.277.165.908	1.277.165.908
Ban quản lý Dự án các công trình Viễn thông - VNPT	14.342.795.252	14.988.835.702
Các khách hàng khác	65.706.066.857	42.919.172.081
<b>Cộng</b>	<b><u>125.644.443.109</u></b>	<b><u>144.927.024.414</u></b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>991.968.087</i>	<i>1.677.105.448</i>
Công ty TNHH Dịch vụ Công nghệ	151.800.000	
Công ty Vecta Pty		1.076.648.040
Các nhà cung cấp khác	840.168.087	600.457.408
<b>Cộng</b>	<b><u>991.968.087</u></b>	<b><u>1.677.105.448</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>50.145.158.754</b>	<b>(5.512.626.280)</b>	<b>50.807.437.708</b>	<b>(5.217.279.894)</b>
Phải thu cán bộ công nhân viên	4.055.320.249	(1.919.569.484)	2.889.584.358	(1.919.569.484)
Tạm ứng	5.550.894.035		6.604.557.749	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	479.451.230		4.151.444.342	
Phải thu do chi quá Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	7.019.481.019		6.539.767.019	
Các khoản phải thu tại chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	12.753.473.404		12.753.473.404	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	20.286.538.817	(3.593.056.796)	17.868.610.836	(3.297.710.410)
<b>Cộng</b>	<b>50.145.158.754</b>	<b>(5.512.626.280)</b>	<b>50.807.437.708</b>	<b>(5.217.279.894)</b>

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

### 6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu có thời gian quá hạn trên 03 năm. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>6.023.475.565</b>		<b>5.728.129.179</b>	
Nghiêm Xuân Bình - Phải thu tạm ứng công trình	1.145.857.811		1.145.857.811	
Đình Châu Giang - Phải thu tạm ứng công trình	203.814.768		203.814.768	
Phải thu do chi quá tiền lương của Xi nghiệp Tư vấn Thiết kế đã giải thể	1.499.798.702		1.499.798.702	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.174.004.284		2.878.657.898	
<b>Cộng</b>	<b>6.023.475.565</b>		<b>5.728.129.179</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.728.129.179	5.245.043.055
Trích lập dự phòng bổ sung	295.346.386	483.086.124
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.023.475.565</b>	<b>5.728.129.179</b>

### 7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho thiếu chờ xử lý tại Chi nhánh Cần Thơ của Công ty mẹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.191.807.523	(1.803.154.138)	7.217.635.904	(1.340.054.138)
Công cụ, dụng cụ	42.206.400		29.349.400	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.666.203.104		25.602.355.636	
Hàng tồn kho tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.327.799.572		1.327.799.572	
Hàng hóa	2.137.507.363		1.853.605.077	
<b>Cộng</b>	<b>43.365.523.962</b>	<b>(1.803.154.138)</b>	<b>36.030.745.589</b>	<b>(1.340.054.138)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.340.054.138	877.627.371
Trích lập dự phòng bổ sung	463.100.000	462.426.767
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.803.154.138</b>	<b>1.340.054.138</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	86.553.726	179.617.171
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	12.167.319	25.211.915
<b>Cộng</b>	<b>98.721.045</b>	<b>204.829.086</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giải thể các chi nhánh	859.233.551	859.233.551
Chi phí sửa chữa	764.442.836	
Chi phí công cụ, dụng cụ	88.700.799	379.117.537
Các chi phí trả trước dài hạn khác	79.165.088	154.002.314
<b>Cộng</b>	<b>1.791.542.274</b>	<b>1.392.353.402</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	18.056.200.004	24.408.874.589	12.072.455.550	1.588.017.227	56.125.547.370
Mua trong năm		148.200.000			148.200.000
Thanh lý nhượng bán				(506.114.578)	(506.114.578)
Phân loại lại		(35.454.545)		35.454.545	
<b>Số cuối năm</b>	<b>18.056.200.004</b>	<b>24.521.620.044</b>	<b>12.072.455.550</b>	<b>1.117.357.194</b>	<b>55.767.632.792</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.342.330.055	22.168.661.039	4.258.952.156	491.618.952	37.261.562.202
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	11.652.690.513	22.842.397.030	5.937.920.550	1.385.347.759	41.818.355.852
Khấu hao trong năm	321.063.004	397.847.667	998.393.352	146.877.468	1.864.181.491
Thanh lý, nhượng bán				(506.114.578)	(506.114.578)
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.973.753.517</b>	<b>23.240.244.697</b>	<b>6.936.313.902</b>	<b>1.026.110.649</b>	<b>43.176.422.765</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	6.403.509.491	1.566.477.559	6.134.535.000	202.669.468	14.307.191.518
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.082.446.487</b>	<b>1.281.375.347</b>	<b>5.136.141.648</b>	<b>91.246.545</b>	<b>12.591.210.027</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 11.074.936.985 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số 19a).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất (*)	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	205.000.000	20.199.237.818
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.994.237.818</b>	<b>205.000.000</b>	<b>20.199.237.818</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		160.000.000	160.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm		172.750.000	172.750.000
Khấu hao trong năm		9.000.000	9.000.000
<b>Số cuối năm</b>		<b>181.750.000</b>	<b>181.750.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	19.994.237.818	32.250.000	20.026.487.818
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.994.237.818</b>	<b>23.250.000</b>	<b>20.017.487.818</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

(\*) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất 245,4 m<sup>2</sup> tại số 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.19)

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng công trình trụ sở chi nhánh Cần Thơ.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>59.975.136.674</b>	<b>84.072.960.820</b>
Công ty TNHH ZTE HK (Vietnam)	35.886.296.929	30.059.879.363
Công ty Cổ phần SPR Việt Nam	6.267.131.002	-
ZTE Corporation	3.613.338.676	11.823.391.137
Các nhà cung cấp của Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	2.807.326.139	2.807.326.139
Công ty TNHH Smatec	260.676.155	6.414.853.085
Các nhà cung cấp khác	11.140.367.773	32.967.511.096
<b>Cộng</b>	<b>59.975.136.674</b>	<b>84.072.960.820</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>759.767.858</b>	<b>1.539.337.558</b>
Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ Công an		816.000.000
Các khách hàng khác	759.767.858	723.337.558
<b>Cộng</b>	<b>759.767.858</b>	<b>1.539.337.558</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.274.201.887	142.038.641	4.667.328.112	(5.749.376.329)	3.192.153.670	142.038.641
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			15.600.400	(15.600.400)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.026.020	49.104.041	423.039.618	(37.000.000)	350.961.597	
Thuế thu nhập cá nhân	94.764.699	497.262	438.814.331	(377.919.559)	155.659.471	497.262
Các loại thuế khác		395.920.637	11.000.000	(11.000.000)		395.920.637
<b>Cộng</b>	<b>4.382.992.606</b>	<b>587.560.581</b>	<b>5.555.782.461</b>	<b>(6.190.896.288)</b>	<b>3.698.774.738</b>	<b>538.456.540</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>24.368.806.331</i>	<i>8.271.920.850</i>
Lãi vay phải trả	156.228.131	
Giá vốn trích trước	17.697.543.579	1.732.529.099
Chi phí phải trả tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	6.253.418.069	6.253.418.069
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	261.616.552	285.973.682
<b>Cộng</b>	<b><u>24.368.806.331</u></b>	<b><u>8.271.920.850</u></b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là doanh thu cho thuê nhà nhận trước.

**18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>30.119.678.139</i>	<i>31.205.702.306</i>
Kinh phí công đoàn	726.291.280	681.306.418
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.232.532.928	760.471.800
Phải trả cán bộ công nhân viên về chi phí thực hiện công trình	17.930.402.844	20.137.711.233
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.687.712.645	5.554.733.917
Phải trả ngắn hạn khác tại Chi nhánh Hồ Chí Minh (Công ty mẹ)	1.990.198.309	1.990.198.309
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.552.540.133	2.081.280.629
<b>Cộng</b>	<b><u>30.119.678.139</u></b>	<b><u>31.205.702.306</u></b>

**18b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**19. Vay ngắn hạn/dài hạn****19a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>32.404.800.019</i>	<i>47.418.275.829</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình <sup>(i)</sup>	21.036.135.452	21.316.966.715
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng <sup>(ii)</sup>	1.672.000.000	3.971.016.338
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(iii)</sup>	9.696.664.567	22.130.292.776
<i>Vay Công ty TNHH Smatec <sup>(iv)</sup></i>	<i>2.020.000.000</i>	<i>1.750.000.000</i>
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(v)</sup></i>	<i>8.290.000.000</i>	<i>1.164.000.000</i>
Ông Phạm Văn Khánh	4.705.000.000	464.000.000
Ông Lê Việt An	3.585.000.000	700.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>767.867.606</i>	<i>1.144.203.247</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>43.482.667.625</u></b>	<b><u>51.476.479.076</u></b>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình tại Công ty mẹ để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng kế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4B-4C Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng tại Công ty con theo hợp đồng 104557.17.005.3098870.TD ngày 25 tháng 5 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu phòng 1602, tòa C2, chung cư Vinaconex1.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân tại Công ty mẹ để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng kế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 4A Vương Thừa Vũ, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (iv) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Smatec tại Công ty con để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%/ năm.
- (v) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 12%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	47.418.275.829	62.727.016.503		(77.740.492.313)	32.404.800.019
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.750.000.000	620.000.000		(350.000.000)	2.020.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.164.000.000	24.215.000.000		(17.089.000.000)	8.290.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.144.203.247		767.867.606	(1.144.203.247)	767.867.606
<b>Cộng</b>	<b>51.476.479.076</b>	<b>87.562.016.503</b>	<b>767.867.606</b>	<b>(96.323.695.560)</b>	<b>43.482.667.625</b>

### 19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình <sup>(i)</sup>	517.859.100	983.326.706
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng <sup>(ii)</sup>	781.200.000	1.083.600.000
<b>Cộng</b>	<b>1.299.059.100</b>	<b>2.066.926.706</b>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình tại Công ty mẹ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay từ 02 đến 05 năm theo từng kế ước kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng tại Công ty con theo hợp đồng số 131395 ngày 09 tháng 8 năm 2017 để mua xe ô tô Toyota Camry với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	767.867.606	1.144.203.247
Trên 1 năm đến 5 năm	1.299.059.100	2.066.926.706
Trên 5 năm		
<b>Cộng</b>	<b><u>2.066.926.706</u></b>	<b><u>3.211.129.953</u></b>

Chi tiết phát sinh của các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.066.926.706	1.525.569.943
Số tiền vay phát sinh		1.911.680.000
Số tiền vay đã trả		(226.119.990)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	<u>(767.867.606)</u>	<u>(1.144.203.247)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.299.059.100</u></b>	<b><u>2.066.926.706</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 20. **Vốn chủ sở hữu**

#### 20a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu năm trước	48.000.000.000	49.699.560.000	7.196.802.018	119.132.759	(13.387.435.619)	18.382.177.469	110.010.236.627
Lợi nhuận trong năm trước					3.057.172.656	358.928.525	3.416.101.181
Trích quỹ trong năm					(252.706.687)	(247.293.313)	(500.000.000)
Chia cổ tức ở Công ty con						(449.167.500)	(449.167.500)
Trích thù lao HĐQT, BKS					(692.053.349)	(197.834.651)	(889.888.000)
Bù đắp lỗ lũy kế bằng thặng dư vốn cổ phần		(17.035.763.724)			17.035.763.724		
Chi quỹ			(5.604.983.250)	(18.890.054)		(18.485.400)	(5.642.358.704)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>1.591.818.768</b>	<b>100.242.705</b>	<b>5.760.740.725</b>	<b>17.828.325.130</b>	<b>105.944.923.604</b>
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	32.663.796.276	1.591.818.768	100.242.705	5.760.740.725	17.828.325.130	105.944.923.604
Lợi nhuận trong năm					2.586.543.039	38.708.950	2.625.251.989
Chia cổ tức <sup>(i)</sup>					(1.876.800.000)		(1.876.800.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>32.663.796.276</b>	<b>1.591.818.768</b>	<b>100.242.705</b>	<b>6.470.483.764</b>	<b>17.867.034.080</b>	<b>106.693.375.593</b>

<sup>(i)</sup> Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/NQĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 với số tiền 1.877.087.000 VND. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 30 tháng 11 năm 2018, ngày thanh toán cổ tức là ngày 18 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ thực hiện là 3,91%/cổ phiếu, tương đương 1.876.800.000 VND. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**20b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	4.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán*****Ngoại tệ các loại***

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 4.456,98 USD (số đầu năm là 513,37 USD).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	11.983.588.554	110.962.996.323
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.911.366.704	10.255.891.818
Doanh thu hợp đồng xây lắp	102.146.718.209	104.254.245.408
<b>Cộng</b>	<b><u>125.041.673.467</u></b>	<b><u>225.473.133.549</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.524.566.380	103.122.463.187
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.970.143.758	6.518.026.557
Giá vốn của hoạt động xây lắp	87.715.483.223	91.414.796.541
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	463.100.000	462.426.767
<b>Cộng</b>	<b><u>103.673.293.361</u></b>	<b><u>201.517.713.052</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	9.761.213	16.291.304
Cổ tức, lợi nhuận được chia	198.720.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		39.700.000
<b>Cộng</b>	<b><u>208.481.213</u></b>	<b><u>55.991.304</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.791.422.868	3.537.498.975
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		193.102.987
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	75.549.369	6.437.196
Chi phí tài chính khác	11.761.011	16.641.127
<b>Cộng</b>	<b><u>3.878.733.248</u></b>	<b><u>3.753.680.285</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	96.173.455	222.626.393
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	28.417.914	50.675.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.781.775.020	3.221.367.588
Các chi phí khác	227.630.784	302.905.235
<b>Cộng</b>	<b><u>2.133.997.173</u></b>	<b><u>3.797.574.725</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.096.138.097	7.291.631.770
Chi phí đồ dùng văn phòng	486.756.473	338.309.621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	844.498.356	858.153.026
Thuế, phí và lệ phí	55.260.853	53.946.753
Dự phòng phải thu khó đòi	295.346.386	483.086.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.143.694.187	4.056.755.818
Các chi phí khác	1.347.090.542	2.037.584.548
<b>Cộng</b>	<b><u>12.268.784.894</u></b>	<b><u>15.119.467.660</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		458.000.000
Thu nhập từ các khoản được hỗ trợ	90.660.000	453.500.000
Thu nhập khác	27.652.568	22.874.760
<b>Cộng</b>	<b><u>118.312.568</u></b>	<b><u>934.374.760</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	728.259.812	
Phạt vi phạm hợp đồng	525.521.836	
Chi phí khác	68.812.455	131.262.666
<b>Cộng</b>	<b>1.322.594.103</b>	<b>131.262.666</b>

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

##### 9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	2.586.543.039	3.057.172.656
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.586.543.039	3.057.172.656
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.800.000	4.800.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>539</b>	<b>637</b>

##### 9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 1.046.345.273 VND (năm trước là 1.641.364.695 VND).



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina – OFC	Công ty liên kết
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Nhóm Công ty không có công nợ với bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Bán vật tư.
- Lĩnh vực dịch vụ: Tối ưu hóa, sửa chữa ứng cứu, bảo dưỡng, tư vấn thiết kế, cho thuê nhà trạm.
- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt các dịch vụ hạ tầng viễn thông

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực xây lắp	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.983.588.554	10.911.366.704	102.146.718.209	125.041.673.467
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.983.588.554</b>	<b>10.911.366.704</b>	<b>102.146.718.209</b>	<b>125.041.673.467</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.995.922.174	3.941.222.946	14.431.234.986	21.368.380.106
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(14.402.782.067)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				6.965.598.039
Doanh thu hoạt động tài chính				208.481.213
Chi phí tài chính				(3.878.733.248)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				957.227.138
Thu nhập khác				118.312.568
Chi phí khác				(1.322.594.103)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(423.039.618)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>2.625.251.989</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>148.200.000</b>	<b>148.200.000</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>2.257.937.566</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	110.962.996.323	10.255.891.818	104.254.245.408	225.473.133.549
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>110.962.996.323</b>	<b>10.255.891.818</b>	<b>104.254.245.408</b>	<b>225.473.133.549</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.378.106.369	3.737.865.261	12.839.448.867	23.955.420.497
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(18.917.042.385)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				5.038.378.112
Doanh thu hoạt động tài chính				55.991.304
Chi phí tài chính				(3.753.680.285)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				1.272.299.956
Thu nhập khác				934.374.760
Chi phí khác				(131.262.666)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>3.416.101.181</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>2.113.877.273</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>2.507.669.337</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	58.717.095.958	10.279.726.350	99.758.447.343	168.755.269.651
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				102.466.996.407
<b>Tổng tài sản</b>				<b>271.222.266.058</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	22.591.909.532	3.613.338.676	71.514.243.352	97.719.491.560
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				66.809.398.905
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>164.528.890.465</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	82.624.628.155	11.900.362.127	11.759.663.979	106.284.654.261
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				184.040.612.707
<b>Tổng tài sản</b>				<b>290.325.266.968</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	53.116.604.594	11.823.391.137	21.870.240.332	86.810.236.063
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				97.570.107.301
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>184.380.343.364</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của nhóm Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Lập, ngày 19 tháng 3 năm 2019



Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2019

## TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019)

### **Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông**

Để phục vụ cho công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (TST) theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các tiêu thức lựa chọn và danh sách công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TST năm 2019 như sau:

- Các tiêu thức lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập:
  - + Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt nam và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các công ty niêm yết.
  - + là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán và tư vấn tài chính, chi phí hợp lý và tiết kiệm.

Và danh sách công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2019:

1. Công ty kiểm toán ERNST & Young – Mức phí 620.000.000 VNĐ;
2. Công ty kiểm toán Grant Thornton - Mức phí 360.000.000 VNĐ;
3. Công ty kiểm toán A&C - Mức phí 240.000.000 VNĐ.

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán A&C là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty. Và giao Tổng Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2019.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH *[Signature]*  
  
Đặng Đức Khôi



Hà Nội, ngày 08 tháng 05 năm 2019

Số: 05 /TT-TST

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua lộ trình thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty TST làm chủ sở hữu và thực hiện việc tái cấu trúc Công ty.

### Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

Hiện nay Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông đang có 4 đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Xây lắp số 1, Xí nghiệp Bảo dưỡng Đo kiểm, Chi nhánh Công ty TST tại thành phố Đà Nẵng và Chi nhánh Công ty TST tại thành phố Cần Thơ. Từ khi thành lập đến nay, các đơn vị này vẫn hoạt động tốt và đóng góp vào tăng trưởng doanh thu cho toàn Công ty. Năm 2018, Chính phủ có những quy định cũng như chính sách hỗ trợ cho các Công ty vừa và nhỏ theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/02/2018 và khoản 3, điều 6 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 5 tỷ đồng chỉ cho phép nhà thầu là doanh nghiệp cấp nhỏ và siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp tham gia đấu thầu. Với quy mô thực tế của Xí nghiệp và Chi nhánh hiện nay, không đáp ứng được nhu cầu của thị trường cạnh tranh, phù hợp các chính sách của Nhà nước.

Nhằm tổ chức lại bộ máy Công ty ngày càng chuyên sâu hơn trong từng loại hình dịch vụ để tăng tính chủ động, đáp ứng các Nghị định của Chính phủ và tăng sức cạnh tranh trong môi trường tự do cạnh tranh như hiện nay. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông lộ trình thành lập 4 Công ty TNHH MTV do Công ty TST làm chủ sở hữu trên cơ sở chuyển đổi từ các đơn vị trực thuộc của Công ty, cụ thể như sau:

- Trong năm 2019: hoàn thành các thủ tục thành lập Công ty TNHH MTV Xây lắp số 1 trên cơ sở chuyển đổi từ Xí nghiệp Xây lắp số 1.

- Từ năm 2020 đến năm 2023: xây dựng phương án thành lập Công ty TNHH MTV trên cơ sở chuyển đổi từ 3 đơn vị còn lại (Xí nghiệp Bảo dưỡng –Đo kiểm, Chi nhánh Công ty tại TP Đà Nẵng, Chi nhánh Công ty tại TP Cần Thơ).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua lộ trình này và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thành lập Công ty TNHH MTV.

Trong quá trình thay đổi mô hình doanh nghiệp đáp ứng các Nghị định của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật hiện hành, Công ty cần có sự thay đổi, cơ cấu lại cấu trúc Công ty nhằm điều chỉnh tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối và sắp xếp lại lao động cho phù hợp để bộ máy Công ty gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả và bền vững hơn trong tương lai.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tái cấu trúc Công ty từ đó tạo lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh.

Kính mong Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .



